

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HUỆ  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST  
Ngày: 21-01-2025  
V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Gái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lữ Minh Luân.

Ông Nguyễn Văn Tư.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đông Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2024/DSST ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thanh T - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C - Sinh năm 1964 - Địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14-5-2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T trình bày:

Ngày 13-10-2023, bà cho ông Nguyễn Văn C vay số tiền 130.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng, mục đích ông C dùng số tiền đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng đến nay ông C làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn không trả tiền vốn và lãi cho bà.

Bà khởi kiện yêu cầu ông C trả 148.335.870 đồng [gồm: 130.500.000 đồng tiền gốc và 17.835.870 đồng tiền lãi; tiền lãi được tính như sau: 130.500.000 đồng x 1.66%/tháng x 08 tháng 07 ngày (từ ngày 14-5-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 21-01-2025) = 17.835.870 đồng].

Bà rút lại yêu cầu tính lãi từ ngày 13-10-2023 đến ngày 14-5-2024 với số tiền lãi 15.225.000 đồng.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 23-12-2024, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Ông vay của bà T số tiền 35.000.000 đồng (không nhớ thời gian), lãi suất 6.000 đồng/tháng. Nhưng 04 tháng ông không có tiền trả lãi nên bà T cộng vốn và lãi thành 105.000.000 đồng. Sau đó, ông trả được 90.000.000 đồng, 02 tháng sau ông trả 45.000.000 đồng. Bà T ghi tờ giấy đưa ông ký tên và lặn tay nhưng ông không biết nội dung (tờ giấy ghi ngày 13-10-2023), ông không yêu cầu giám định chữ ký ở tờ giấy (biên nhận nợ) ngày 13-10-2023 do bà T cung cấp cho Tòa án. Ông cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho trình bày của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo.

- Về quan điểm xử lý vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về số tiền lãi và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc ông C có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 148.335.870 đồng.

Nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Phan Thị Thanh T khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Văn C, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông C được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích chính đáng của ông, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

[3] Nguyên đơn bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi số tiền 15.225.000 đồng, Hội đồng xét xử không xem xét mà sẽ đình chỉ. Đồng thời, bà T xác định chỉ khởi kiện ông C, không yêu cầu đối với vợ ông C, nên ghi nhận, không đưa vợ ông C vào tham gia tố tụng.

[4] Về nội dung: Xét việc bà T yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả 148.335.870 đồng (gồm: 130.500.000 đồng tiền gốc và 17.835.870 đồng tiền lãi), Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Về tiền gốc 130.500.000 đồng: Lời trình bày của bà T phù hợp giấy vay tiền ngày 13.10.2023 bà T cung cấp số tiền ông C vay 130.500.000 đồng. Ông C thừa nhận chữ ký là của ông, nhưng cho rằng đã thanh toán xong cho bà T nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Vì vậy, xét ông C nợ bà T 130.500.000 đồng nên ông C có nghĩa vụ trả cho bà T theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Về tiền lãi 17.835.870 đồng: Bà T yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Vì bà T yêu cầu thời gian tính lãi từ ngày 14-5-2024 (ngày ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ), số vốn dùng để tính lãi, lãi suất 1.66%/tháng là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ các nhận định trên, cần buộc ông C có nghĩa vụ trả cho bà T 148.335.870 đồng.

[6] Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[7] Về chi phí thu thập chứng cứ: Bà Phan Thị Thanh T có nghĩa vụ chịu 1.000.000 đồng, đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[8.1] Bà T không phải chịu tiền án phí, hoàn lại cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8.2] Ông C có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 148.335.870 đồng, nên có nghĩa vụ chịu 7.416.793,5 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm

2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Văn C liên quan số tiền lãi 15.225.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Văn C.

Buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Thanh T số tiền 148.335.870 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm bảy mươi đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ chịu 7.416.793,5 đồng (bảy triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bảy trăm chín mươi ba phẩy năm đồng) tiền án phí.

Bà Phan Thị Thanh T không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho bà T 3.643.000 đồng (ba triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí (theo Biên lai thu số 0004516 ngày 19-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Trần Thị Gái**